

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Sơn Tây;

2. Ông Nguyễn Văn Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lê – Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa:
Bà Bồ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 238/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1981; thường trú: Tổ 4, khu phố Kh, phường B, thị xã U, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Bị đơn: Ông Đàm Văn Th, sinh năm 1979; thường trú: Tổ 4, khu phố Kh, phường B, thị xã U, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 23/6/2020, các lời khai trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Đàm Văn Th chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 2002. Vợ chồng đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân

dân xã Đ, thị xã U, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 83, ngày 11/11/2002. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không tin tưởng nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông Đàm Văn Th.

- Về con chung: Quá trình chung sống, bà H và ông Th có 02 con chung tên Đàm Ngọc Thái S, sinh ngày 18/8/2003 và Đàm Ngọc Thanh Th1, sinh ngày 20/12/2007. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu ông Đàm Văn Th cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà và các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn ông Đàm Văn Th không đến Toà án tham gia tố tụng, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản tự khai ngày 26/8/2020 các cháu Đàm Ngọc Thái S và Đàm Ngọc Thanh Th1 trình bày: Các cháu là con chung của ông Đàm Văn Th và bà Nguyễn Thị Ngọc H. Do mâu thuẫn nên cha mẹ đã sống ly thân. Hiện tại cả hai cháu đang sống chung với mẹ. Nếu cha mẹ ly hôn thì cả hai cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên phát biểu tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Đàm Văn Th chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 2002, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã U, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 83, ngày 11/11/2002. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H yêu cầu được ly hôn với ông Đàm Văn Th là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Quá trình chung sống, bà H và ông Th có 02 con chung tên Đàm Ngọc Thái S, sinh ngày 18/8/2003 và Đàm Ngọc Thanh Th1, sinh ngày

20/12/2007. Hiện nay các con đang sống ổn định với mẹ, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về việc cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị Ngọc H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đàm Văn Th và yêu cầu được quyền nuôi con sau khi ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo kết quả xác minh, ông Đàm Văn Th đang cư trú tại địa chỉ: Tổ 4, khu phố Bình Khánh, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt bị đơn: Toà án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn ông Đàm Văn Th không đến Toà án tham gia tố tụng, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Th theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Đàm Văn Th chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 2002, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã U, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 83, ngày 11/11/2002. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay và bà H yêu cầu được ly hôn với ông Đàm Văn Th .

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân*

lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông Th đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà H yêu cầu ly hôn với ông Th là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về việc nuôi dưỡng con chung: Vợ chồng bà H và ông Th có 02 con chung tên Đàm Ngọc Thái S, sinh ngày 18/8/2003 và Đàm Ngọc Thanh Th1, sinh ngày 20/12/2007. Hiện tại cả hai con chung đang sống với mẹ. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung.

Khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”.

Cả hai con chung hiện đang sống với mẹ và đều có nguyện vọng tiếp tục được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy, yêu cầu được quyền nuôi con chung của bà H không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của các con chung, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 28, 35, 39, 146, 147, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các điều 56, 81, 82, 83, 84, 85 và Điều 86 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” với bị đơn ông Đàm Văn Th như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với ông Đàm Văn Th .

1.2 Về việc nuôi con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Ngọc H được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung tên Đàm Ngọc Thái S, sinh ngày 18/8/2003 và Đàm Ngọc Thanh Th1, sinh ngày 20/12/2007.

Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Đàm Văn Th đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Ông Đàm Văn Th được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Đàm Văn Th lạm dụng quyền đi lại thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Nguyễn Thị Ngọc H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Đàm Văn Th . Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.4 Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0038201 ngày 03/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, bà H không phải nộp thêm.

3. Về quyền kháng cáo:

3.1 Bà Nguyễn Thị Ngọc H có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

3.2 Ông Đàm Văn Th vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7

và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Văn Hưng